

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH THEO PHÁP LUẬT NHẬT BẢN VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO*

NGUYỄN LÊ NGỌC KHÁNH**

Ngày nhận bài: 08/07/2021

Ngày phản biện: 16/07/2021

Ngày đăng bài: 30/09/2021

Tóm tắt:

Bài viết phân tích việc bảo hộ chương trình máy tính theo pháp luật Nhật Bản dưới hai cơ chế: Bảo hộ quyền đối với sáng chế và bảo hộ quyền tác giả. Từ đó, nêu ra một số đánh giá về ưu điểm và hạn chế của hai hình thức bảo hộ này để hoàn thiện quy định về bảo hộ chương trình máy tính tại Việt Nam.

Từ khóa:

Chương trình máy tính, sáng chế, quyền tác giả, sở hữu trí tuệ.

Abstract:

The article analyzes the protection of computer programs under Japanese law under two mechanisms: patent protection and copyright protection. From there, a number of assessments are made about the advantages and limitations of these two mechanisms of protection in order to perfect the regulations on computer program protection in Vietnam.

Keywords:

Computer program, patent, copyright, intellectual property.

1. Đặt vấn đề

Chương trình máy tính (CTMT) là một sản phẩm của công nghệ hiện đại, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của bất kỳ quốc gia nào hiện nay. Để ghi nhận và bảo vệ thành quả lao động sáng tạo của tác giả, chủ sở hữu CTMT, pháp luật sở hữu trí tuệ bảo hộ CTMT theo cơ chế rất đặc biệt. Việc bảo hộ CTMT là một sự lựa chọn, cân nhắc của các quốc gia giữa hai cơ chế: Quyền tác giả hay Sáng chế¹. Nếu Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành bảo hộ CTMT dưới dạng quyền tác giả thì pháp luật Nhật Bản lại có cơ chế rất đa dạng. Việc bảo hộ tại quốc gia này được thực hiện bởi cả đạo luật về sáng chế và pháp luật về quyền tác giả. Bài viết phân tích cơ chế bảo hộ CTMT theo pháp luật Nhật Bản nhằm chỉ ra những điểm ưu việt là bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.

* ThS., Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh; Email: npthao@hcmulaw.edu.vn

** Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh; Email: nkhanhh2800@gmail.com

¹ Trương Thị Tường Vi (2020), *Một số vấn đề pháp lý về sáng chế liên quan đến Chương trình máy tính*, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số tháng 11 và tháng 12, tr.74.

2. Bảo hộ chương trình máy tính theo Đạo luật Sáng chế Nhật Bản

2.1. Điều kiện bảo hộ chương trình máy tính dưới dạng sáng chế

Nhật Bản ký kết Hiệp ước Hợp tác Sáng chế (*The Patent Cooperation Treaty*) năm 1978 và Công ước Paris về Bảo hộ Sở hữu Công nghiệp (*The Paris Convention for the Protection of Industrial Property*) năm 1899. Kể từ đây, sáng chế là một trong những đối tượng được bảo hộ theo pháp luật sở hữu trí tuệ Nhật Bản. Các sáng chế ở quốc gia này được bảo hộ bằng Đạo luật về Sáng chế², bao gồm các quyền độc quyền đối với các sản phẩm sáng tạo dựa trên các ý tưởng kỹ thuật sử dụng các quy luật tự nhiên và Đạo luật về Mẫu hữu ích (hay Giải pháp hữu ích - *The Utility Model Act*), bao gồm các quyền độc quyền đối với thiết bị dựa trên các ý tưởng kỹ thuật sử dụng các quy luật tự nhiên liên quan đến hình dạng của thiết bị, cấu trúc, hoặc sự kết hợp của chúng. Qua đó, phạm vi đối tượng được bảo vệ bởi Đạo luật về Mẫu hữu ích hẹp hơn phạm vi được bảo vệ bởi Đạo luật về Sáng chế và mức độ phức tạp kỹ thuật theo yêu cầu của Đạo luật về Mẫu hữu ích cũng thấp hơn yêu cầu theo quy định của Đạo luật về Sáng chế³. Đạo luật về Mẫu hữu ích giới hạn phạm vi bảo hộ là thiết bị (“device”) liên quan đến hình dạng hoặc cấu trúc của các sản phẩm hoặc tổ hợp các sản phẩm, chẳng hạn như quy trình sản xuất sẽ không được bảo vệ theo Đạo luật này⁴. Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật dễ dàng được sáng tạo ra bởi một người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực tương ứng không được nhân mạnh đối với mẫu hữu ích nhưng lại là một trong những điều kiện bắt buộc khi bảo hộ dưới dạng sáng chế.

Việc sáng tạo ra CTMT thường mất rất nhiều thời gian, rủi ro, công sức lao động trí tuệ và cả những đầu tư lớn về tài chính, cơ sở vật chất. Loại đối tượng đặc biệt trên đã được pháp luật sở hữu trí tuệ Nhật Bản thiết lập cơ chế bảo hộ sáng chế. Vậy nên mục đích của cơ chế bảo hộ sáng chế được thể hiện bằng cách khuyến khích việc sáng tạo các giải pháp kỹ thuật mới thông qua thúc đẩy bảo hộ và sử dụng đối tượng này, từ đó có thể đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp (Điều 1 Đạo luật về Sáng chế). Mục đích cuối cùng cho việc bảo hộ CTMT không phải để có nhiều sáng chế liên quan đến CTMT, mà là sự phát triển nền kinh tế số thông qua bảo đảm của Nhà nước cho các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.

Để đối tượng đặc biệt trên được bảo hộ dưới dạng sáng chế theo pháp luật sở hữu trí tuệ Nhật Bản, CTMT cần phải đáp ứng được những điều kiện bảo hộ nhất định. CTMT được bảo hộ dưới dạng sáng chế phải là một sáng tạo tiên tiến dưới dạng giải pháp kỹ thuật, nhằm giải quyết một vấn đề kỹ thuật bằng một phương tiện kỹ thuật (khoản 1 Điều 2 Đạo luật về Sáng

² Đạo luật về Sáng chế - Patent Act, Luật số 121 năm 1959, sửa đổi, bổ sung đến Luật số 55 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01/4/2016 (Sau đây gọi là Đạo luật về Sáng chế).

https://members.wto.org/crnattachments/2015/IP/JPN/15_2244_00_e.pdf

³ Nishimura Asahi (2017), *Country Comparative Legal Guides Japan: Intellectual Property*, Nxb Legalease Ltd, tr.2.

⁴ Shimpei Yamamoto (2012), *Utility Models in Japan*, The Japan Patent Office, tr.7.

chế). So sánh với quy định pháp luật Việt Nam, Quy chế thẩm định đơn đăng ký sáng chế do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam ban hành quy định: “Mặc dù CTMT thuộc danh mục các đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế nhưng nếu đối tượng yêu cầu bảo hộ có đặc tính kỹ thuật và thực sự là một giải pháp kỹ thuật, nhằm giải quyết một vấn đề kỹ thuật bằng một phương tiện kỹ thuật để tạo ra một hiệu quả kỹ thuật thì nó có thể được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế. Cụm từ “bằng một phương tiện kỹ thuật” vừa nêu được hiểu là CTMT phải gắn với một cấu trúc vật lý nhất định và phải tồn tại ở dạng vật thể, có nghĩa là phải “sờ” được (*touchable*). Hay nói cách khác, nó phải tồn tại ở dạng hữu hình⁵.

Qua đó đánh giá được rằng, sáng chế có thể là một sản phẩm hay một quy trình. Để CTMT được bảo hộ dưới dạng sáng chế, đó phải là một tập hợp các hướng dẫn được cung cấp cho một máy tính điện tử kết hợp để tạo ra một kết quả cụ thể và bất kỳ thông tin nào khác được xử lý bởi một máy tính điện tử tương đương với một CTMT (khoản 4 Điều 2 Đạo luật về Sáng chế). Khả năng xem xét đủ điều kiện bảo hộ đối với sáng chế được tiến hành thông qua cuộc thẩm tra thực hiện bởi thẩm định viên - người có thẩm quyền quyết định xem sáng chế có được cấp bằng độc quyền sáng chế hay không. Thẩm định viên trước hết sẽ kiểm tra xem đơn đăng ký có đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật hay không, tức là có bất kỳ lý do từ chối nào hay không. Các yêu cầu này bao gồm: *Một là*, liệu sáng chế được công bố có dựa trên ý tưởng kỹ thuật sử dụng quy luật tự nhiên hay không, cho dù nó có bất kỳ khả năng ứng dụng công nghiệp nào; *hai là*, ý tưởng kỹ thuật có tồn tại trước khi nộp đơn hiện tại hay không; *ba là*, liệu đối tượng này có thể dễ dàng được sáng tạo ra bởi một người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực hay không; *bốn là*, dù cho hồ sơ được nộp đầu tiên, liệu sáng chế có vi phạm trật tự công cộng và đạo đức hay không; *cuối cùng*, các mô tả trong đặc điểm kỹ thuật có phù hợp chính xác với các yêu cầu về khả năng cấp bằng sáng chế hay không.

2.2. Căn cứ xác lập quyền đối với sáng chế là chương trình máy tính

Sáng chế là CTMT được xác lập dựa trên việc cấp văn bằng bảo hộ⁶. Việc cấp bằng sáng chế cho chủ sở hữu tài sản trí tuệ được giao cho JPO⁷. Các bằng sáng chế được cấp bởi cơ quan khác sẽ không được coi là hợp lệ, không bảo đảm quyền sở hữu về mặt pháp lý cho người nhận⁸. Cơ quan này sẽ tiến hành kiểm tra tất cả các đơn đăng ký từ khắp nơi trên thế giới cũng như thực hiện các biện pháp phòng ngừa trước khi đưa ra quyết định cuối cùng cho việc cấp bằng độc quyền đối với bất kỳ sáng chế nào.

⁵ Trần Văn Hải (2012), *Bảo hộ Chương trình máy tính như đối tượng độc lập của quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 11, tr.38.

⁶ Theo khoản 1 Điều 66 Đạo luật về Sáng chế.

⁷ Japan Patent Office [<https://www.jpo.go.jp/e/>]

⁸ Đinh Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Phương Dung, *Quy định pháp lý về bảo vệ tài sản trí tuệ công nghiệp ở Nhật Bản và một số khuyến nghị đối với Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, <https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/quy-dinh-phap-ly-ve-bao-ve-tai-san-tri-tue-cong-nghiep-o-nhat-ban-va-mot-so-khuyen-nghi-doi-voi-viet-nam-312407.html>, truy cập ngày 15/5/2021).

Về phương thức nộp đơn, người nộp đơn phải điền vào các biểu mẫu được quy định trong và nộp hồ sơ cho JPO. Lúc này, JPO sẽ tiến hành thẩm định những tài liệu để xem xét rằng chúng đã đáp ứng về thủ tục cần thiết hay chưa. Sau 18 tháng kể từ ngày nộp đơn, JPO sẽ chính thức công bố nội dung của đơn đăng ký trên Công báo. Tiếp theo, cơ quan có thẩm quyền tiến hành giám định nội dung. Nếu như thẩm định viên nhận thấy CTMT trong đơn đăng ký không đủ điều kiện được bảo hộ, thông báo từ chối sẽ được gửi đến người nộp đơn. Theo đó, nếu người nộp đơn cho rằng thông báo từ chối là không thỏa đáng, họ có quyền gửi lại ý kiến của mình dưới hình thức văn bản. Trong đó, phải thể hiện được rằng CTMT được yêu cầu bảo hộ dưới dạng sáng chế trong đơn có khác biệt đáng kể với những CTMT được cấp bằng bảo hộ trước đó, hoặc phản bác những lý do bị từ chối cấp bằng sáng chế.

Dựa trên kết quả thẩm định mà thẩm định viên sẽ ra quyết định một CTMT có được bảo hộ dưới dạng sáng chế hay không. Đây được xem là bước cuối cùng của giai đoạn thẩm định. Dựa trên các điều kiện cấp bằng sáng chế đối với CTMT, người nộp đơn nộp lệ phí theo quy định, lúc này cơ chế bảo hộ sáng chế đối với CTMT sẽ có hiệu lực và được ghi nhận vào Sổ đăng ký sáng chế. Thời hạn bảo hộ sáng chế đối với CTMT là 20 năm, kể từ ngày nộp đơn. Việc bảo hộ này cho phép chủ sở hữu được độc quyền khai thác CTMT trong thời hạn bảo hộ tương ứng.

2.3. Đánh giá hiệu quả cơ chế bảo hộ chương trình máy tính dưới dạng sáng chế

Thứ nhất, cơ chế bảo hộ sáng chế là động lực thúc đẩy quá trình nghiên cứu và khai thác CTMT. Bằng độc quyền sáng chế được cấp cho chủ sở hữu, cho phép chủ sở hữu được hưởng những quyền và lợi ích hợp pháp nhất định, trong đó quan trọng nhất là quyền ngăn cấm người khác khai thác thương mại CTMT của họ trong một khoảng thời gian giới hạn - thời hạn bảo hộ. Bằng cách cấp các quyền như vậy, bảo hộ sáng chế tạo động lực cho các nhà nghiên cứu lập trình, các bên liên quan đến CTMT, giúp họ được công nhận về thành quả lao động trí óc và cho phép họ thu được lợi nhuận từ khoản đầu tư của mình⁹. Điều này là hoàn toàn phù hợp bởi tác giả, chủ bằng độc quyền sáng chế đã phải bỏ thời gian, công sức và cơ sở vật chất, kỹ thuật để nghiên cứu sáng tạo ra sáng chế đó.

Thứ hai, cơ chế bảo hộ sáng chế nhằm khuyến khích việc chia sẻ kiến thức về CTMT một cách có hệ thống thông qua việc công bố bằng sáng chế - bản thân nó cũng là một động lực quan trọng của sự đổi mới trong lĩnh vực công nghệ. Để có được sự độc quyền, lập trình viên phải tiết lộ đầy đủ thông tin liên quan đến CTMT được cấp bằng sáng chế đến cộng đồng, cho phép những người khác tiếp cận và học hỏi thông tin từ CTMT. Công bố sáng chế là một hoạt động cần thiết trong bất kỳ thủ tục cấp bằng độc quyền sáng chế nào. Bằng cách này, hệ thống bằng sáng chế đối với CTMT được thiết kế để cân bằng lợi ích của chủ sở hữu

⁹ Mirei Isaka (2013), *Intellectual property right - The role on patents in renewable energy technology innovation*, Irena International renewable energy, p. 9.

và cộng đồng. Xuất phát từ yếu tố dễ bị sao chép, các đối thủ cạnh tranh chỉ đơn giản là sao chép CTMT hiện có hơn là đổi mới. Đã từng xuất hiện trường hợp vào những năm 1980, khoảng 75% CTMT cạnh tranh trên thị trường nhưng lại có ít đặc điểm phân biệt được chúng.

Trái ngược với những khía cạnh tích cực trên là những lập luận về những điểm hạn chế cho rằng CTMT nên được loại trừ khỏi đối tượng được xem xét bảo hộ bởi sáng chế.

Thứ nhất, CTMT vẫn chưa thực sự được xem như một loại giải pháp kỹ thuật (trong khi điều kiện để được bảo hộ sáng chế, sản phẩm đó phải mang đặc tính kỹ thuật), mà hiện nay CTMT chỉ là dạng văn bản hoặc tác phẩm trí tuệ theo truyền thống. Về vấn đề này, thuật ngữ “*kỹ thuật*” cần được định nghĩa và diễn giải một cách cụ thể hơn. Quyền đối với sáng chế không bảo hộ cho một ý tưởng trừu tượng, công thức toán học, thuật toán, không có khả năng áp dụng thực tế. Vì những lẽ trên mà CTMT nên được bảo hộ bởi các quy định của quyền tác giả chứ không phải bằng sáng chế. Việc loại trừ CTMT nhóm đối tượng có thể được cấp bằng sáng chế vì chúng đã được bảo hộ bằng các quy định của quyền tác giả là hợp lý.

Thứ hai, bất cập liên quan đến thủ tục cấp bằng độc quyền sáng chế như: kiểm tra tính mới (một trong những điều kiện quan trọng trong cơ chế bảo hộ sáng chế); hạn chế trong việc xây dựng tài liệu kỹ thuật; công cuộc tìm kiếm những thẩm định viên có năng lực đối với một CTMT. Thực tế, các văn phòng cấp bằng bảo hộ sáng chế ở hầu hết các nước đang phát triển đều bị ảnh hưởng bởi sự thiếu hụt về cơ sở hạ tầng, các thẩm định viên có kinh nghiệm, cơ sở dữ liệu chưa thật sự phát triển đến một trình độ nhất định. Điều này có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan đến CTMT.

Cuối cùng, CTMT là đối tượng có vòng đời ngắn. CTMT là một đối tượng phức tạp, việc xây dựng mất rất nhiều thời gian và công sức bao gồm quá trình lên ý tưởng - viết lập trình và yêu cầu thời gian chỉnh sửa hoàn chỉnh. Trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay, mỗi ngày trên thế giới có thể cho ra đời số lượng lớn các CTMT. Tuy vậy, CTMT phụ thuộc vào một loạt các công nghệ phát triển nhanh chóng và có sự đào thải liên tục. Vì vòng đời ngắn của CTMT mà thủ tục xin cấp bằng tương đối phức tạp và khó khăn như phần trình bày trên, đối tượng được nộp đơn đăng ký có thể đã lỗi thời ngay khi chúng đáp ứng các tiêu chí để bảo hộ dưới dạng bằng sáng chế. Việc bảo hộ không có hiệu quả vì vòng đời thị trường ngắn. Cùng với đó là nhiều cuộc tranh luận cho rằng hai mươi năm độc quyền là phi lý đối với CTMT khi thời gian tồn tại trong lĩnh vực công nghệ này chỉ khoảng độ vài năm¹⁰. Có thể kể đến hệ điều hành IOS của Apple, lần đầu tiên được ra mắt vào năm 2007 với phiên bản IOS 1. Kể từ đó, Apple không ngừng cải tiến kỹ thuật nhằm cho ra đời các phiên bản khác nhau trong 11 năm tính đến năm 2018¹¹. Đến đầu năm 2021, Apple đã phát hành phiên bản IOS 14.4 trên dòng điện thoại của hãng.

¹⁰ Neeraj Dubey (2010), *Copyright versus Patent - The Great Debate*, PSA E-Newsline, p. 5.

¹¹ Anh Quân (2018), *Nhìn lại hệ điều hành iOS qua 11 năm phát triển*, <https://thanhnien.vn/cong-nghe/nhin-lai-he-dieu-hanh-ios-qua-11-nam-phat-trien-953854.html>, truy cập ngày 10/3/2021.

Tóm lại, theo pháp luật Nhật Bản, CTMT có thể là đối tượng quyền đối với sáng chế. Đạo luật về Sáng chế đưa ra một cơ chế bảo hộ hoàn chỉnh cho đối tượng này, tương tự như các sáng chế khác. Đây là điểm khác biệt so với pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam liên quan đến việc bảo hộ CTMT.

3. Bảo hộ chương trình máy tính theo Luật Quyền tác giả Nhật Bản

3.1. Điều kiện bảo hộ chương trình máy tính dưới dạng quyền tác giả

Vào năm 1899, Nhật Bản tham gia Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật. Xuất phát từ lý do cần phải có một loạt các điều khoản mới để tuân thủ Công ước Berne, Sắc lệnh quyền tác giả trước đây đã được thay đổi toàn bộ thành Luật Quyền tác giả năm 1899¹². Luật Quyền tác giả năm 1899 này được coi là Luật Quyền tác giả hiện đại đầu tiên của Nhật Bản phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về bảo hộ quyền tác giả.

Chương trình máy tính được Luật Quyền tác giả Nhật Bản công nhận bảo hộ dưới dạng quyền tác giả lần đầu tiên vào năm 1985. Một năm sau đó, các điều khoản về bảo vệ cơ sở dữ liệu trong CTMT được quy định rõ ràng và cụ thể hơn¹³. Trải qua nhiều lần sửa đổi, cho đến Luật Quyền tác giả Nhật Bản sửa đổi năm 2018 tiếp tục ghi nhận CTMT là đối tượng được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả bởi chúng được nhìn nhận như một tác phẩm mang tính chất khoa học¹⁴. Mặc dù trước đây, pháp luật sở hữu trí tuệ Nhật Bản xem “*chương trình máy tính*” như một “*tác phẩm văn học*”¹⁵ nhưng thuật ngữ này đã không còn tồn tại trong các văn bản pháp luật hiện hành. Theo đó, Điều 10 Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018 đã liệt kê CTMT là một trong những “*tác phẩm*”.

Chương trình máy tính được định nghĩa theo khoản 10.2 Điều 2 Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018, đó phải là biểu hiện của một tập hợp lệnh khiến cho máy tính có chức năng tạo nên được một kết quả. Bảo hộ theo cơ chế quyền tác giả đối với CTMT còn phải đảm bảo các yếu tố:

Một là, về tính nguyên gốc - CTMT phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không phải có được do thực hiện bất kì hành vi sao chép nào¹⁶.

Hai là, CTMT được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định¹⁷.

Ba là, đáp ứng quy định tại Điều 6: Một tác phẩm chỉ được bảo hộ bởi Luật này nếu thuộc một trong các điểm sau đây: (1) Tác phẩm của công dân Nhật Bản; (2) Tác phẩm được

¹² Cho đến nay, qua nhiều lần pháp điển hóa, đạo luật về quyền tác giả hiện hành là luật năm 2018. Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018, <https://www.cric.or.jp/english/clj/index.html>, truy cập lần cuối ngày 18/8/2021.

¹³ Japan Patent Office, Asia Pacific Industrial Property Center JIII, *Outline of the Japanese Copyright Law*, p.6.

¹⁴ Lee W. Harwell Jr, *The Protection of Computer Programs in Japan*, <https://digitalcommons.lmu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1057&context=ilr>, truy cập ngày 15/5/2021.

¹⁵ Edward G. Durney (1991), *Protection of Computer Programs under Japanese Copyright Law*, Pacific Basin Law Journal, 9(1-2), p. 18.

¹⁶ Khoản 2 Điều 2 Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018.

¹⁷ Khoản 1 Điều 2 Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018.

phát hành lần đầu trong nước (bao gồm trường hợp phát hành lần đầu tại nước ngoài nhưng trong vòng 30 ngày sau đó được phát hành trong nước); (3) Tác phẩm mà Nhật Bản có nghĩa vụ bảo hộ theo điều ước quốc tế Nhật Bản là thành viên.

3.2. Căn cứ phát sinh quyền tác giả đối với chương trình máy tính

Cũng như các loại hình tác phẩm khác, CTMT được bảo hộ kể từ khi được sáng tạo ra và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không cần phải thông qua bất kỳ thủ tục đăng ký nào¹⁸. Đây cũng là nội dung được quy định bởi Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật. Về nguyên tắc, thời hạn bảo hộ đối với quyền tác giả bắt đầu từ khi CTMT được tạo ra. Đồng thời, quyền tác giả liên tục tồn tại cho đến 50 năm sau khi tác giả chết, đối với tác phẩm có đồng tác giả là 50 năm sau khi đồng tác giả cuối cùng chết¹⁹.

Nội dung quyền tác giả theo pháp luật Nhật Bản bao gồm: quyền nhân thân và quyền tài sản. Theo đó, đối với quyền nhân thân gồm ba quyền được pháp luật sở hữu trí tuệ Nhật Bản ghi nhận là: Quyền công bố tác phẩm, Quyền đứng tên tác phẩm và Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm²⁰. Quyền nhân thân mang tính chất cá nhân và không được phép chuyển giao cho chủ thể khác. Ngược lại, quyền tài sản được phép chuyển giao. Một điểm đặc biệt là CTMT có thể được đăng ký tại Trung tâm Thông tin Phần mềm (The Software Information Center²¹). Ý nghĩa của hoạt động đăng ký này là tạo cơ sở, bằng chứng chứng minh quyền đối với CTMT trong trường hợp có tranh chấp xảy ra trong tương lai, bao gồm các loại đăng ký²²:

Loại đăng ký thứ nhất là đăng ký theo ngày sáng tạo ra CTMT. Theo đó, các yếu tố cần được xem đến như: (1) Ngày sáng tạo CTMT, bất kể nó đã được xuất bản hay chưa; (2) Đơn đăng ký phải được thực hiện trong vòng sáu tháng kể từ ngày CTMT được tạo ra; (3) Người nộp đơn sẽ là tác giả của CTMT; (4) Thời gian mà CTMT được đăng ký. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp pháp lý, nhằm xác định chủ thể nào thực sự là bên nắm giữ các quyền đối với CTMT, thời điểm tạo ra CTMT trong nội dung đăng ký sẽ là cơ sở để chứng minh.

Loại đăng ký thứ hai là đăng ký ngày xuất bản lần đầu CTMT. Theo đó, các yếu tố sẽ được xem xét đến bao gồm: (1) Ngày CTMT được xuất bản hoặc công bố lần đầu tiên có thể được đăng ký; (2) Đơn đăng ký phải do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện; (3) CTMT được

¹⁸ Japan Copyright Office (2020), *Copyright System in Japan*, Copyright Research and Information Center (CRIC), p. 23 - 24.

¹⁹ Điều 52 Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018.

²⁰ Điều 18, Điều 19, Điều 20 Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018.

²¹ SOFTIC là một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập bởi Cơ quan Văn hóa Nhật Bản vào năm 1986, mang nhiệm vụ thúc đẩy cải thiện cơ sở hạ tầng cho công nghệ thông tin và hướng tới sự phát triển lành mạnh của một xã hội công nghệ thông tin tiên tiến, góp phần vào sự phát triển của ngành công nghiệp, nền kinh tế và văn hóa của Nhật Bản thông qua các hoạt động đó như: tìm kiếm và giáo dục liên quan đến các sản phẩm phần mềm; tìm kiếm về việc bảo vệ các quyền liên quan đến phần mềm; đăng ký các chương trình; đăng ký quyền đối với thiết kế bố trí mạch bán dẫn.

²² SOFTIC, *Introduction to Computer Program Registration*, <https://www.softic.or.jp/en/register/flyer-en.pdf>, truy cập lần cuối ngày: 15/5/2021.

cho là đã được xuất bản lần đầu tiên hoặc lần đầu tiên được công bố vào ngày đã đăng ký. Nếu một vụ kiện được đệ trình để xác định bên nào nắm giữ quyền, thì việc đăng ký CTMT được xem là bằng chứng có giá trị.

Loại đăng ký thứ ba là đăng ký quyền tác giả khi có các vấn đề về chuyên nhượng. Về nguyên tắc, đơn đăng ký phải được thực hiện chung cho cả bên có quyền và bên có nghĩa vụ. Không những vậy, đơn đăng ký này là bắt buộc để có hiệu lực đối kháng với người thứ ba.

Loại đăng ký thứ tư là đăng ký theo tên thật. Bằng cách đăng ký này, các yếu tố cần được xét đến sẽ bao gồm: (1) Tên thật của tác giả của CTMT được xuất bản ẩn danh hoặc bút danh có thể là do tác giả đăng ký; (2) Người nộp đơn sẽ là tác giả hoặc người được chỉ định trong di chúc của tác giả; (3) Người có tên thật đã được đăng ký được coi là tác giả của CTMT. Đồng thời, việc đăng ký tên thật của tác giả kéo dài thời hạn bảo hộ lên 70 năm sau khi tác giả chết.

Bên cạnh các loại đăng ký được trình bày trên là những tài liệu đi kèm mà SOFTIC yêu cầu cho tất cả các loại đăng ký. Các tài liệu cho việc đăng ký gồm có: (1) Đơn đăng ký; (2) Đặc điểm kỹ thuật của CTMT; (3) Hóa đơn cho việc thanh toán phí đăng ký; (3) Thuế trước bạ.

3.3. Đánh giá hiệu quả cơ chế bảo hộ chương trình máy tính dưới dạng quyền tác giả

Bảo hộ CTMT dưới dạng quyền tác giả có những ưu điểm sau:

Thứ nhất, một trong những cơ sở lý luận của việc bảo hộ quyền tác giả là nguyên tắc cân bằng lợi ích, bên cạnh việc bảo hộ quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, pháp luật cũng cần đảm bảo lợi ích cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển khoa học công nghệ nói chung. Quy định bảo hộ CTMT dưới dạng quyền tác giả trước hết bảo đảm quyền sở hữu, quyền tự do nghiên cứu của tác giả. Bảo hộ CTMT theo cơ chế quyền tác giả ngăn cản sự sao chép bất hợp pháp trong thời hạn bảo hộ. Từ đó, chủ thể quyền tác giả cũng có thêm động lực để tiếp tục nghiên cứu, sáng tạo ra các sản phẩm mới.

Thứ hai, một tác phẩm được bảo hộ dưới quyền tác giả sẽ không cần phải thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan có thẩm quyền mà quyền tác giả sẽ tự động phát sinh. Nguyên tắc phát sinh như vậy sẽ tạo điều kiện cho các tác giả tự do sáng tạo CTMT mà không cần quan tâm đến việc phải đi đăng ký bản quyền. So với sáng chế, căn cứ phát sinh quyền đối với tác phẩm đơn giản hơn rất nhiều và khả năng được bảo hộ cũng cao hơn khi so với các điều kiện bảo hộ sáng chế nêu trên.

Bên cạnh đó, bảo hộ CTMT dưới dạng quyền tác giả cũng gặp phải một số vấn đề:

Thứ nhất, là sự vi phạm tính nguyên gốc của tác phẩm. Theo pháp luật về quyền tác giả, tính nguyên gốc liên quan đến hình thức thể hiện ý tưởng chứ không liên quan đến bản thân ý tưởng hay ý nghĩa bên trong nó. Tính nguyên gốc có thể hiểu là tác phẩm được sáng tạo ra một cách độc lập và không sao chép từ bất kỳ một tác phẩm nào khác. Một tác phẩm muốn

được bảo hộ phải đảm bảo được tính sáng tạo ban đầu và không được vay mượn bất kỳ chi tiết nào của tác phẩm khác. Điều này sẽ rất khó được tìm thấy trong một CTMT. Một chương trình được hoạt động chỉ khi nó được đưa vào máy tính. Do đó một chương trình có thể sử dụng cho một hoặc nhiều máy tính khác nhau. Không những thế, người sử dụng chương trình luôn muốn sự hoàn chỉnh giữa các ngôn ngữ lập trình và phần cứng trong ngành công nghiệp máy tính, đòi hỏi sự đổi mới sáng tạo hơn so với ngôn ngữ lập trình cũ. Người có được bản sao của CTMT một cách hợp pháp không thể thường xuyên sử dụng nó mà không nâng cấp, điều chỉnh cho nó phù hợp với công nghệ hiện đại.

Trên thực tế, có nhiều CTMT sử dụng nguồn mở. Mà chương trình phần mềm nguồn mở cho phép người khác quyền tự do sử dụng, quyền nghiên cứu và sửa đổi chương trình, quyền sao chép và tái phát hành phần mềm gốc hoặc phần mềm đã sửa đổi mà không phải trả phí bản quyền cho những người lập trình trước. Như vậy, CTMT được phát triển trên cơ sở chương trình phần mềm nguồn mở không đảm bảo tính nguyên gốc của tác phẩm²³.

Thứ hai, vấn đề xâm phạm quyền nhân thân của tác giả CTMT. Quyền nhân thân là những quyền chỉ thuộc về riêng cá nhân tác giả, không thể chuyển giao cho bất kỳ ai dưới bất kỳ hình thức nào thậm chí ngay cả trong trường hợp tác giả chết. Vấn đề này khiến việc nâng cấp hoặc thay đổi các nội dung CTMT về sau trở nên khó khăn. Một số quốc gia trên thế giới (như Hoa Kỳ) đã có quy định về từ bỏ quyền nhân thân để đảm bảo rằng CTMT có thể được dễ dàng nâng cấp về sau. Tại Việt Nam, Dự thảo 3.0 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (ngày 31/3/2021) cũng bổ sung quy định này, một trong những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng chính là từ mục tiêu bảo hộ CTMT.

4. Kinh nghiệm cho pháp luật Việt Nam trong việc bảo hộ chương trình máy tính

Sự hình thành và phát triển của mô hình bảo hộ “*kép*” - dưới hai dạng sáng chế và quyền tác giả của pháp luật Nhật Bản bắt nguồn từ sự phức tạp và lưỡng nghĩa có sẵn của CTMT cũng như sự vận động không ngừng của kinh tế - xã hội. Từ đó, đòi hỏi cần phải có một mô hình bảo hộ mềm dẻo và linh hoạt phù hợp với xu thế chung. Mô hình bảo hộ “*kép*” mang trong mình những đặc trưng của hai cơ chế bảo hộ phổ biến là quyền tác giả và sáng chế nên ưu nhược điểm của hai cơ chế bảo hộ này bù trừ và đan xen hỗ trợ nhau khi thực thi mô hình bảo hộ “*kép*”. Nhóm tác giả chỉ ra rằng, bảo hộ “*kép*” không phải là mô hình hoàn toàn độc lập, tách bạch với hai mô hình cũ mà thực chất có phản chiếu và thống nhất đối với hai mô hình cũ. Qua việc vẫn giữ nguyên quy định về bảo hộ quyền tác giả đối với CTMT nhưng vẫn cho phép cấp bằng sáng chế đối với CTMT thỏa mãn những điều kiện cụ thể được quy định ở mỗi quốc gia. Nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng thành công mô hình bảo hộ “*kép*” đối với CTMT điển hình là các quốc gia có nền công nghiệp phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Ấn Độ.

²³ Trần Văn Hải (2012), *Bảo hộ Chương trình máy tính như đối tượng độc lập của quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 11, tr.39.

Khi tìm kiếm một hình thức bảo hộ cho CTMT, các chủ thể liên quan đến CTMT muốn tìm đến một hình thức phù hợp với CTMT đó mà không bị bỏ sót quyền và lợi ích hợp pháp. Theo đó, tính linh hoạt giúp bao quát tất cả các trường hợp cần được bảo hộ mà không dẫn đến sự lãng phí. Một CTMT được bảo hộ dưới dạng bản quyền cho mã nguồn của nó nhưng nó cũng mang trong mình những bản chất của sáng chế cần được bảo hộ như thuật toán, ý tưởng, kỹ thuật. Lúc này, cần áp dụng cả hai hình thức bảo hộ bản quyền và bảo hộ sáng chế. Điều này cũng gợi lên một vấn đề mà bảo hộ “kép” có thể gặp phải là không phải bất cứ CTMT nào cũng cần bảo hộ dưới cả hai hình thức. Vậy nên, nếu có sự bắt buộc rằng CTMT cần được bảo hộ ở cả hai hình thức sẽ là sự lãng phí và nhầm lẫn không cần thiết.

Tại Nhật Bản, việc bảo hộ CTMT dưới chế độ “kép linh hoạt” không cứng nhắc rằng tất cả các CTMT cần được bảo hộ bởi bản quyền và sáng chế mà tùy thuộc vào mục đích của người sở hữu nó. Một trường hợp có thể gặp phải là nếu chủ sở hữu muốn đăng ký sáng chế cho một CTMT vì bản thân CTMT đó mang trong mình những đặc tính gắn với sáng chế nhưng chưa đủ để được bảo hộ dưới danh nghĩa sáng chế. Lúc này, cơ chế quyền tác giả trở nên hữu hiệu.

Đây là nội dung có thể tham khảo, học hỏi để bổ sung vào quy định của Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Cho đến nay, Dự thảo 3.0 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ đã có những sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện thêm quy định về bảo hộ CTMT. Tuy nhiên, sự sửa đổi này vẫn theo định hướng giữ nguyên bảo hộ CTMT dưới dạng quyền tác giả mà chưa có sự thay đổi mang tính cơ bản. Theo quan điểm nhóm tác giả, nên bổ sung vào Luật Sở hữu trí tuệ cho phép bảo hộ CTMT dưới dạng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. Việc bảo hộ theo phương thức quyền tác giả hay sáng chế tùy thuộc vào sự lựa chọn của chủ sở hữu quyền tác giả. Bởi lẽ sự ra đời của Luật Sở hữu trí tuệ hay các văn bản hướng dẫn đều hướng đến mục tiêu bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền tác giả.

5. Kết luận

Nhật Bản là quốc gia phát triển của khu vực châu Á với những tiến bộ vượt bậc về khoa học - công nghệ. Việc bảo hộ các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ nói chung và CTMT nói riêng ở quốc gia này rất được đề cao. Mô hình bảo hộ kép linh hoạt - bảo hộ CTMT dưới dạng sáng chế và quyền tác giả khiến quyền lợi của chủ sở hữu và tác giả CTMT được bảo vệ tốt hơn, từ đó khuyến khích hoạt động nghiên cứu sáng tạo, thu hút đầu tư nước ngoài. Tại Việt Nam, hiện tại CTMT chỉ được bảo hộ dưới dạng tác phẩm thuộc quyền tác giả do đó vẫn còn có những hạn chế nhất định. Trong tương lai, pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam có thể có những thay đổi tiếp thu pháp luật Nhật Bản về bảo hộ CTMT để hoàn thiện thêm quy định về bảo hộ đối tượng này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nishimura Asahi (2017), *Country Comparative Legal Guides Japan: Intellectual Property*, Nxb Legalease Ltd.
2. Neeraj Dubey (2010), *Copyright versus Patent - The Great Debate*, PSA E-Newslines.
3. Edward G. Durney (1991), *Protection of Computer Programs under Japanese Copyright Law*, Pacific Basin Law Journal, 9(1-2).
4. Đạo luật về Sáng chế Nhật Bản năm 2015, https://members.wto.org/crnattachments/2015/IP/JPN/15_2244_00_e.pdf
5. Lee W. Harwell Jr, *The Protection of Computer Programs in Japan*, [<https://digitalcommons.lmu.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1057&context=ilr>].
6. Trần Văn Hải (2012), *Bảo hộ CTMT như đối tượng độc lập của quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 11.
7. Mirei Isaka (2013), *Intellectual property right - The role on patents in renewable energy technology innovation*, Irena International renewable energy.
8. Japan Copyright Office (2020), *Copyright System in Japan*, Copyright Research and Information Center (CRIC).
9. Japan Patent Office, Asia Pacific Industrial Property Center JIII, *Outline of the Japanese Copyright Law*.
10. Luật Quyền tác giả Nhật Bản năm 2018, <https://www.cric.or.jp/english/clj/index.html>
11. Anh Quân (2018), *Nhìn lại hệ điều hành iOS qua 11 năm phát triển* [<https://thanhnien.vn/cong-nghe/nhin-lai-he-dieu-hanh-ios-qua-11-nam-phat-trien-953854.html>].
12. SOFTIC, *Introduction to Computer Program Registration* [<https://www.softic.or.jp/en/register/flyer-en.pdf>].
13. Đinh Mạnh Tuấn và Nguyễn Thị Phương Dung, *Quy định pháp lý về bảo vệ tài sản trí tuệ công nghiệp ở Nhật Bản và một số khuyến nghị đối với Việt Nam*, Tạp chí Tài chính - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam [<https://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/quy-dinh-phap-ly-ve-bao-ve-tai-san-tri-tue-cong-nghiiep-o-nhat-ban-va-mot-so-khuyen-nghi-doi-voi-viet-nam-312407.html>].
14. Trương Thị Tường Vi (2020), *Một số vấn đề pháp lý về sáng chế liên quan đến chương trình máy tính*, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, số tháng 11 và tháng 12.
15. Shimpei Yamamoto (2012), *Utility Models in Japan*, The Japan Patent Office.